

Số: 245/QĐ-ĐHTĐ

Hải Dương, ngày 12 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý đất đai, mã số 7850103, hình thức đào tạo chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 17/09/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thành Đông;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021 TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế 60/QĐ-ĐHTĐ ngày 25/05/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trường khoa Quản lý đất đai và Trường phòng Quản lý đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh và ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý đất đai, mã số 7850103, hình thức đào tạo chính quy, bao gồm: Bản Mô tả chương trình đào tạo; Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; Khung chương trình đào tạo (có văn bản kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và được áp dụng cho đào tạo sinh viên đại học chính quy từ khóa 12 (nhập học từ năm học 2021/2022).

Điều 3. Các Ông/Bà Trường khoa Quản lý đất đai, Trường phòng Quản lý đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận

- BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu: VT, QLĐT, QLCL, Khoa.



PGS,TS. Lê Văn Hùng

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Quản lý đất đai trình độ đại học, mã số 7850103

*(Ban hành theo Quyết định số 245 /QĐ/ĐHTĐ ngày 12 /10/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông)*

STT	Mã HP	Tên học phần	TC	Giảng viên
1. Kiến thức giáo dục đại cương			35	
1.1. Lý luận chính trị			11	
1	PML0031	Triết học Mác - Lênin	3	ThS. Nguyễn Ngọc Diệp
2	EML0031	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	ThS. Phạm Thị Yến
3	SSO0031	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	ThS. Phạm Thị Yến
4	HTH0031	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	ThS. Nguyễn Ngọc Diệp
5	HIS0031	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	ThS. Nguyễn Ngọc Diệp
1.2. Khoa học tự nhiên, xã hội			15	
6	AMA0031	Toán cao cấp	2	ThS. Hà Thị Thảo
7	IFT0031	Tin học	3	ThS. Phạm Thu Thuận
8	SSK0031	Kỹ năng mềm	2	ThS. Trần Bình An
9	DID0031	Kỹ thuật soạn thảo và ban hành văn bản	2	ThS. Vũ Thị Hồng Diệp
10	RME0031	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	ThS. Nguyễn Thị Thúy Hạnh
11	SUP0031	Khởi nghiệp	2	GVCC. Nguyễn Hữu Đoàn
12	GLA0031	Pháp luật đại cương	2	ThS. Nguyễn Thị Việt Hà
1.3. Ngoại ngữ			9	
13	BE10031	Tiếng Anh cơ bản 1	3	ThS. Nguyễn Thị Nhung
14	BE20031	Tiếng Anh cơ bản 2	3	ThS. Nguyễn Thị Nhung
15	BE30031	Tiếng Anh cơ bản 3	3	ThS. Nguyễn Thị Nhung
1.4	PE10031	Giáo dục thể chất	3	
	PE20031			
	PE30031			
1.5	ME10031	Giáo dục quốc phòng	8	
	ME20031			

STT	Mã HP	Tên học phần	TC	Giảng viên
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93	
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			18	
<i>2.1.1. Các học phần bắt buộc</i>			<i>14</i>	
16	SOI1431	Thổ nhưỡng	3	TS. Phạm Quang Tùng
17	LM11431	Trắc địa 1	3	TS. Nguyễn Khắc Thời
18	LM21431	Trắc địa 2	2	TS. Nguyễn Khắc Thời
19	CGR1431	Bản đồ học	3	ThS. Tô Thị Phương
20	GIS1431	Hệ thống thông tin địa lý	3	ThS. Tô Thị Phương
<i>2.1.2. Các học phần tự chọn (chọn 4/8)</i>			<i>4</i>	
21	EIA1431	Đánh giá tác động môi trường	2	TS. Nguyễn Thị Hoa Lý
22	CMA1431	Bản đồ địa chính	2	ThS. Nguyễn Văn Hương
23	FSY1431	Hệ thống canh tác	2	PGS,TS. Hà Thị Thanh Bình
24	VEG1431	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	ThS. Tô Thị Phương
2.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành			48	
<i>2.2.1. Các học phần bắt buộc</i>			<i>44</i>	
25	LLA1431	Pháp luật đất đai	3	TS. Nguyễn Thị Phương Duyên
26	LAM1431	Quản lý nhà nước về đất đai	2	TS. Đặng Phúc
27	TME1431	Đo đạc địa chính	3	TS. Nguyễn Khắc Thời
28	LUA1431	Đánh giá đất	3	PGS,TS. Đào Châu Thu
29	LIS1431	Hệ thống thông tin đất đai	3	PGS,TS. Phạm Ngọc Dũng
30	IA11431	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	3	ThS. Lưu Thành Kỳ
31	IA21431	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 2	3	ThS. Lưu Thành Kỳ
32	LUP1431	Quy hoạch sử dụng đất	3	PGS,TS. Nguyễn Thị Vòng
33	LRE1431	Đăng ký đất đai	3	TS. Nguyễn Thị Phương Duyên
34	LST1431	Thống kê đất đai	2	ThS. Phạm Thị Nguyệt
35	LAS1431	Định giá đất	2	PGS,TS. Hà Thị Thanh Bình
36	RDP1431	Quy hoạch phát triển nông thôn	2	TS. Trần Minh Cảnh
37	UPL1431	Quy hoạch đô thị	2	ThS. Nguyễn Văn Hương
38	LAC1431	Giao đất và thu hồi đất	2	ThS. Nguyễn Văn Hương
39	LIN1431	Thanh tra đất đai	2	TS. Nguyễn Thị Phương Duyên
40	LCO1431	Bồi thường giải phóng mặt bằng	2	TS. Phạm Quang Tùng
41	LFA1431	Tài chính đất đai	2	TS. Phạm Quang Tùng
42	RSE1431	Trắc địa ảnh viễn thám	2	TS. Nguyễn Khắc Thời

STT	Mã HP	Tên học phần	TC	Giảng viên
2.2.2. Các học phần tự chọn (chọn 4/8)			4	
43	MSE1431	Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH	2	PGS,TS. Nguyễn Thị Vòng
44	REM1431	Thị trường bất động sản	2	TS. Đặng Phúc
45	PSL141	Dịch vụ công về đất đai	2	ThS. Phạm Thị Nguyệt
46	CRE1431	Kinh doanh bất động sản	2	TS. Trần Minh Cảnh
2.3. Kiến thức bổ trợ			6	
2.3.1. Các học phần bắt buộc			4	
47	CHL1431	Pháp luật xây dựng và nhà ở	2	PGS,TS. Phạm Ngọc Dũng
48	LEC1431	Kinh tế đất	2	PGS,TS. Đào Châu Thu
2.3.2. Các học phần tự chọn (chọn 2/6)			2	
49	REB1431	Môi giới bất động sản	2	TS. Đặng Phúc
50	IPD1431	Phương pháp lập dự án đầu tư	2	TS. Trần Minh Cảnh
51	ELM1431	Tiếng anh chuyên ngành	2	ThS. Nguyễn Văn Thắng
2.4. Thực tập nghề nghiệp			8	
52	PP11431	Thực tập nghề nghiệp 1	2	
53	PP21431	Thực tập nghề nghiệp 2	2	
54	PP31431	Thực tập nghề nghiệp 3	2	
55	PP41431	Thực tập nghề nghiệp 4	2	
2.5. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp			13	
56	GRI1431	Thực tập tốt nghiệp	4	
57	THE1431	Khóa luận tốt nghiệp	9	
Môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp				
58	CRE1431	Hồ sơ địa chính	3	ThS. Phạm Thị Nguyệt
59	LDB1431	Cơ sở dữ liệu đất đai	3	ThS. Lưu Thành Kỳ
60	APL1431	Quy hoạch sản xuất nông nghiệp	3	PGS,TS. Nguyễn Thị Vòng
Tổng cộng			128	



CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Quản lý đất đai trình độ đại học, mã số 7850103

(Ban hành theo Quyết định số 245/QĐ/ĐHTĐ ngày 12/10/2021

của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông)

A. CHUẨN ĐẦU RA

Người học khi kết thúc Chương trình đào tạo Cử nhân Quản lý đất đai phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
Kiến thức				
PLO1	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, pháp luật để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.	2/6	PI1.1	Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác Lê - Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào giải quyết các vấn đề chuyên môn.
			PI1.2	Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và pháp luật làm nền tảng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
PLO2	Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ sở ngành làm nền tảng lý luận và thực tiễn để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực Quản lý đất đai.	2/6	PI2.1	Hiểu và vận dụng được kiến thức về trắc địa - bản đồ, thổ nhưỡng, hệ thống thông tin địa lý để thành lập các bản đồ chuyên đề phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất đai.
			PI2.2	Hiểu và vận dụng được kiến thức về tài nguyên, môi trường trong quản lý và sử dụng đất đai.

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
PLO3	Hiểu và vận dụng được kiến thức về pháp luật và chính sách đất đai phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất đai.	3/6	PI3	Hiểu và vận dụng đúng các văn bản pháp quy và chính sách của Nhà nước để tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên ngành về quản lý và sử dụng đất như: thống kê, kiểm kê đất đai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, thu hồi đất, tài chính đất đai; thanh tra đất đai, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai; đánh giá đất, định giá đất,....
PLO4	Áp dụng được các kiến thức về công nghệ địa chính để xây dựng hệ thống thông tin đất đai phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất đai.	3/6	PI4.1	Đo đạc và xây dựng các loại bản đồ phục vụ cho việc quản lý và sử dụng đất.
			PI4.2	Xây dựng hệ thống thông tin địa lý và hệ thống thông tin đất đai phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất đai.
			PI4.3	Đánh giá thực trạng, lựa chọn hướng sử dụng đất nông nghiệp hợp lý, hiệu quả cho một vùng lãnh thổ cụ thể, phục vụ cho công tác quy hoạch đất đai.
Kỹ Năng				
PLO5	Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm	3/5	PI5	Thực hiện làm việc, học tập một cách độc lập hoặc theo nhóm; tổ chức và điều hành có hiệu quả trong làm việc nhóm.
PLO6	Áp dụng được các kiến thức cơ bản về máy tính và internet, tin học văn phòng để phục	3/5	PI6.1	Soạn thảo được các văn bản như email, báo cáo, dự án kỹ thuật đúng quy định, có cấu trúc hợp lý và đáp ứng yêu cầu của đối tượng cần giao tiếp.

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
	vụ học tập, nghiên cứu tiếp thu kiến thức chuyên môn. Đạt Chứng chỉ tin học IC3 (Digital Literacy Certification) hoặc các chứng chỉ có giá trị quy đổi tương đương.		PI6.2	Xây dựng và thực hiện được bài thuyết trình hiệu quả, lập luận tốt, sử dụng các công cụ hỗ trợ âm thanh/hình ảnh, ngôn ngữ logic rõ ràng, tác phong đĩnh đạc và thu hút sự tham gia của khán giả.
			PI6.3	Tạo ra được các bản vẽ rõ ràng, hoàn chỉnh và chính xác thuộc chuyên môn QLDD.
PLO7	Sử dụng ngoại ngữ vào giao tiếp thông thường và công việc chuyên môn. Đạt trình độ tiếng Anh bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc cho người Việt Nam hoặc tương đương theo Điều 3 của Quyết định số 58/QĐ-ĐHTĐ ngày 3/7/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thành Đông về chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học.	3/5	PI7.1	Nghe: Hiểu được các bài đối thoại, độc thoại trong các bối cảnh khác nhau về các chủ đề quen thuộc trong đời sống và chuyên môn QLDD.
			PI7.2	Nói: Hiểu và trả lời các câu hỏi và có thể trình bày quan điểm của mình về các chủ đề quen thuộc trong đời sống và chuyên môn QLDD.
			PI7.3	Đọc: Hiểu biết kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa và kiến thức văn hóa, xã hội và chuyên môn QLDD.
			PI7.4	Viết: Sử dụng từ ngữ và cấu trúc câu linh hoạt, đa dạng để viết được thư xin việc, cảm ơn, xin lỗi, phản nản ... và có thể viết được bản báo cáo về chuyên môn QLDD.
PLO8	Áp dụng được các kiến thức tổng hợp để tổ chức thực hiện và quản lý các nghiệp vụ chuyên	3/5	PI8.1	Sử dụng thành thạo các loại thiết bị đo đạc hiện đại và phần mềm chuyên ngành để đo đạc, lập bản đồ địa chính, các loại bản đồ chuyên đề, hệ thống thông tin đất

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
	môn trong quản lý sử dụng đất.			đại phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất đai.
			PI8.2	Xây dựng được phương án quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất đai.
			PI8.3	Thực hiện thành thạo công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thống kê, kiểm kê đất đai, đánh giá đất.
			PI8.4	Thực hiện đúng trình tự giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất, thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng...
			PI8.5	Xác định được giá đất phục vụ công tác quản lý tài chính về đất đai.
			PI8.6	Phân tích và đề xuất các chính sách, biện pháp phục vụ cho việc giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, kỹ thuật thuộc lĩnh vực đất đai có hiệu quả.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
PLO9	Tự quyết định, tự chịu trách nhiệm, tự thích nghi với môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	3/5	PI9.1	Đưa ra được kết luận về các vấn đề trong lĩnh vực quản lý đất đai.
			PI9.2	Đánh giá và cải tiến các hoạt động quản lý đất đai ở các cấp.
			PI9.3	Đề xuất các giải pháp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Chuẩn đầu ra PLOs (Programme Learning Outcomes)			Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện PI (Performance Indicator)	
PLOs	Nội dung PLO	Mức năng lực (*)	PI	Nội dung PI
PLO10	Có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp; có thái độ hợp tác với đồng nghiệp, tôn trọng pháp luật và ý thức tổ chức kỷ luật.	3/5	PI10.1	Làm việc nghiêm túc, đạo đức trung thực khách quan trong nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai, trong các thao tác kỹ thuật, nghiên cứu và ứng dụng vào thực tế.
			PI10.2	Giao tiếp lịch sự, có ý thức xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tích cực, làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

(*) Trình độ năng lực: Đánh giá theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Kỹ năng (1-5), Năng lực tự chủ và trách nhiệm (1-5).

B. CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp, các cử nhân Quản lý đất đai có thể đảm nhận các vị trí công việc:

- Làm cán bộ công chức, viên chức hay cán bộ kỹ thuật tại các cơ quan hành chính nhà nước từ Trung ương đến cấp huyện, cấp xã về lĩnh vực Quản lý đất đai như: Bộ/Sở Tài nguyên - Môi trường các tỉnh, Các Trung tâm kỹ thuật tài nguyên, Trung tâm phát triển quỹ đất, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh, Phòng Tài nguyên - Môi trường, Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai, trung tâm phát triển quỹ đất các quận/huyện, Cán bộ Địa chính xã/phường.

- Chuyên viên cho các UBND các cấp; các Viện nghiên cứu như: Viện nghiên cứu Địa chính, Viện Tài nguyên - Môi trường, Viện Quy hoạch - Thiết kế, Cục đo đạc bản đồ, Cục Quản lý đất đai, Chi cục Quản lý đất đai các tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Khoa học Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và PTNT.

- Làm cán bộ công chức, viên chức hay cán bộ kỹ thuật tại các Chi cục, Trung tâm hoặc Văn phòng như: Chi cục quản lý đất đai, Chi cục môi trường, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên đất và Môi trường; Trung tâm khai thác và kinh doanh bất động sản; các Khu Công nghiệp; Khu Kinh tế...

- Làm tư vấn cho các công ty như: Công ty đo đạc, Công ty môi giới và định giá bất động sản, Trung tâm kinh doanh địa ốc, Công ty kinh doanh bất động sản, Ban quản lý các dự án có liên quan đến đất đai và bất động sản, các đơn vị thẩm định giá (ngân hàng, công ty thẩm định giá...).

- Làm giảng viên hay nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực Quản lý đất đai, Các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, Hiệp hội, trung tâm dạy nghề.

C. KHẢ NĂNG HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên tốt nghiệp CTĐT cử nhân Quản lý đất đai có khả năng tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn và tham gia học tập ở bậc học cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Văn Hùng